TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **440**/2022/QĐST-DS	*Chợ Gạo, ngày 27 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 235/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án theo Quyết định mở phiên họp số: 340/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Hồ Văn T**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Đường L, phường H, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Đường L1, phường S, thành phố M, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Chi cục Th**;

Địa chỉ: Khu M1, thị trấn C, huyện C, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Văn B - Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Minh Kh, sinh năm 1978;

- Ông **Huỳnh Văn Nh**, sinh năm 1950;

- Bà **Dương Thị N1**, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Ấp Th1, xã Th2, huyện C, tỉnh T.

- Bà **Dương Thị K**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp Th1, xã Th2, huyện C, tỉnh T.

- Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp Th1, xã Th2, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Tại đơn yêu cầu và bản tự khai ngày 06/7/2021, ông Hồ Văn T trình bày: Ông là người được thi hành án theo quyết định thi hành án theo yêu cầu số 136/QĐ-CCTHADS ngày 30/11/2020. Bà Dương Thị N là người phải thi hành án. Bà Dương Thị N và các anh chị em gồm ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị N1 được hưởng di sản thừa kế của cha ruột là ông Huỳnh Văn T1 và mẹ ruột là bà Dương Thị N2 chết để lại gồm:

- Phần đất diện tích 4.939m^2 thuộc thửa số 1276 và 1277, tờ bản đồ số 3, tại ấp Thanh Đăng, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1768QSDĐ/2484 ngày 25/11/1996 cho ông Huỳnh Văn T1.

- Phần đất diện tích 4.438,1m^2 thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 27, tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02185QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/9/2004 cho hộ bà Dương Thị N2.

Ngày 08/4/2019, bà N1 có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Dương Thị N2, ông Huỳnh Văn T1; Văn bản cam kết về tài sản cam kết không tranh chấp, toàn bộ phần đất của hộ bà Dương Thị N2 là tài sản thừa kế của bà N2 và của các thành viên khác trong hộ (hoặc những người thừa kế của các thành viên khác trong hộ).

Do bà N, ông Nh, bà N1 và bà N2 không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông T1 và bà N2 để lại. Ngày 15/6/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo có thông báo số 369/TB-CCTHADS thông báo cho ông có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà N trong di sản thừa kế của ông T1 và bà N2.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà N trong di sản thừa kế của ông T1 và bà N2 theo thủ tục dân sự để Chấp hành viên cưỡng chế kê biên, xử lý thi hành án theo quy định.

* Các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn T là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

* Tại phiên họp:

- Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo trình bày: Căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014, người thi hành án là bà Dương Thị N và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất là ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị N1 không tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo đề nghị khi Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của ông T nên xác định rõ, cụ thể phần sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất hoặc theo tỉ lệ phần mà bà N được hưởng trong khối tài sản chung.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký phiên họp và người yêu cầu là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Di sản của ông T1 để lại gồm: 1/4 giá trị thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2; 1/2 giá trị thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/2 giá trị thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2. Những người thừa kế của ông Huỳnh Văn T1 là bà Dương Thị N2, ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K và bà Dương Thị N được hưởng phần di sản ngang nhau là 1/4 di sản thừa kế trên; tức 1/16 giá trị thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2; 1/8 giá trị thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/8 giá trị thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2.

Di sản của bà N2 để lại gồm: 5/16 giá trị thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2; 5/8 giá trị thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 5/8 giá trị thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2. Những người thừa kế của bà Dương Thị N2 là ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K và bà Dương Thị N được hưởng phần di sản ngang nhau là 1/3 di sản thừa kế trên; tức 5/48 giá trị thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2; 5/24 giá trị thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/8 giá trị thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà N trong di sản thừa kế của ông T1 và bà N2 theo thủ tục dân sự để Chấp hành viên cưỡng chế kê biên, xử lý thi hành án theo quy định của ông T. Xác định quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà N là 1/6 giá trị thửa số 7, tờ bản đồ 27, diện tích 4.438,1m^2; 1/3 giá trị thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/3 giá trị thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Hồ Văn T yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà N trong di sản thừa kế của ông T1 và bà N2 theo thủ tục dân sự nên đây là yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án được quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ngày 27/9/2022, chị Hảo có đơn xin vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung yêu cầu:

Bản án số 289/2020/DSST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo tuyên buộc bà Dương Thị N và anh Văn Bá T3 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Hồ Văn T số tiền 2.956.500.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngày 30/11/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo có quyết định thi hành án theo yêu cầu số 136/QĐ-CCTHADS ngày 30/11/2020.

Căn cứ công văn số 2183/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 09/12/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Dương Thị N2 và thông báo số 238/TB-CCTHA ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo thì hiện nay ông Huỳnh Văn T1 được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1768QSDĐ/2484 ngày 25/11/1996 đối với phần đất diện tích 4.939m^2 thuộc thửa số 1276 và 1277, tờ bản đồ số 3, tại ấp Th1, xã Th2, huyện Chợ Gạo, tỉnh T; Hộ bà Dương Thị N2 được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02185QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/9/2004 đối với phần đất diện tích 4.438,1m^2 thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 27, tại xã M1, thành phố M, tỉnh T.

Căn cứ Công văn số 4342/CAH-CSQLHC ngày 31/12/2020 của Công an huyện Chợ Gạo xác nhận vào thời điểm cấp giấy ngày 30/9/2004 hộ bà Dương Thị N2 gồm 05 nhân khẩu gồm: Huỳnh Văn T1, Dương Thị N2, Huỳnh Văn Nh, Dương Thị K, Dương Thị N1.

Ông Huỳnh Văn T1 và bà Dương thị N2 chung sống như vợ chồng trước năm 1950. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T1 và bà N2 nên là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Ông Huỳnh Văn T1 chết ngày 02/12/2008, bà Dương thị N2 chết ngày 25/11/2016, bà Dương Thị Kh1 chết năm 1996. Bà Kh1 không có con.

Theo Văn bản số 218/UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thì ông Huỳnh Văn T1 và bà Dương Thị N2 khi chết không để lại di chúc. Ông T1, bà N2 có 04 người con còn sống là bà Dương Thị N, ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị N1.

Ngày 08/4/2019, bà N1 có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà Dương Thị N2, ông Huỳnh Văn T1; Văn bản cam kết về tài sản cam kết không tranh chấp, toàn bộ phần đất của hộ bà Dương Thị N2 là tài sản thừa kế của bà N2 và của các thành viên khác trong hộ (hoặc những người thừa kế của các thành viên khác trong hộ).

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà Dương Thị N, ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K, bà Dương Thị N1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh về di chúc hay công sức đóng góp của mỗi thành viên theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên, không ai cung cấp chứng cứ, chứng minh nên các thành viên được hưởng bằng nhau.

Những người thừa kế của ông Huỳnh Văn T1 là bà Dương Thị N2, ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K và bà Dương Thị N.

Những người thừa kế của bà Dương Thị N2 là ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K và bà Dương Thị N.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định:

Phần đất diện tích 4.438,1m^2 thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 27, tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02185QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/9/2004 cho hộ bà Dương Thị N2 là tài sản chung của ông Huỳnh Văn T1, bà Dương Thị N2, ông Huỳnh Văn Nh và bà Dương Thị K. Vì vậy, di sản của ông T1 để lại là 1/4 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2; Di sản của bà N2 để lại là 1/4 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2 và 1/16 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2, tổng cộng là 5/16 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2. Do đó, bà Dương Thị N được quyền sử dụng đất là 1/6 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2 tại xã M1, thành phố M, tỉnh T được Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02185QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/9/2004 cho hộ bà Dương Thị N2.

Phần đất diện tích 4.939m^2 thuộc thửa số 1276 và 1277, tờ bản đồ số 3, tại ấp Thanh Đăng, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1768QSDĐ/2484 ngày 25/11/1996 cho ông Huỳnh Văn T1 là tài sản chung của ông Huỳnh Văn T1 và bà Dương Thị N2. Vì vậy, di sản của ông T1 là 1/2 thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/2 thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2; Di sản của bà N2 là 5/8 thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 5/8 thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2. Do đó, bà Dương Thị N được quyền sử dụng đất là 1/3 thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/3 thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2 tại ấp Th1, xã Th2, huyện C, tỉnh T được Ủy ban nhân dân huyện Ccấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1768QSDĐ/2484 ngày 25/11/1996 cho ông Huỳnh Văn T1.

Do đó, ông Hồ Văn T yêu cầu xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án là có cơ sở và được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Hồ Văn T phải chịu theo Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 27, 35, 91, 362, 370, 371 và 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn T.

Xác định bà Dương Thị N là người có quyền sử dụng đất đối với 1/6 thửa số 7, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.438,1m^2 tại xã M1, thành phố M, tỉnh Tđược Ủy ban nhân dân thành phố Mcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02185QSDĐ/1230/QĐ.UB (06/8/2004) ngày 30/9/2004 cho hộ bà Dương Thị N2; 1/3 thửa 1276, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.433m^2 và 1/3 thửa 1277, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.506m^2 tại ấp Th1, xã Th2, huyện C, tỉnh Tđược Ủy ban nhân dân huyện Ccấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1768QSDĐ/2484 ngày 25/11/1996 cho ông Huỳnh Văn T1.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0004994 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như nộp xong.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Hồ Văn T, bà Dương Thị N, ông Huỳnh Văn Nh, bà Dương Thị K và bà Dương Thị N1 có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

N1 nhận:
- Người yêu cầu;
- Bà N, ông Nh, bà K và bà N1;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Huyền Ni